

Nguyễn Văn Sâm
Sưu tầm và giới thiệu lần đầu tiên

經 南 翁
Kinh Năm Ông

Bản kinh chữ Nôm chép tay còn sót lại
cổ động việc thờ Năm Ông,
Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương
(sưu tầm được ở An Giang 2006)

Nam Kỳ Lục Tỉnh 2009

Kinh Năm Ông: bốn văn sót còn lại của một hệ phái Bửu Sơn Kỳ Hương

TÔI chưa từng nghe biết gì về *chi phái Năm Ông* cho tới khi được *bốn kinh* này, tháng 06-2006. Trong những lần nói chuyện trước đó rất lâu với những bậc thức giả tôi loáng thoáng nghe nói tới Năm Ông là (1) danh từ riêng mấy thầy pháp thường nói đến khi trừ tà ma, trấn ém. (2) Rằng **Năm Ông** là tiếng Nôm của từ **Ngũ Vị** chỉ năm vị tướng, thần, có tài phép và là ác thần, chỉ chịu sự chỉ huy của những thầy pháp giỏi, còn có tên khác là **Ngũ Hổ**¹. (3) Rằng Năm Ông là Quan Thánh Đế Quân và mấy vị tướng của ngài.

Vậy thì *từ Nam Ông* rất mơ hồ, ta phải hiểu tùy theo trường hợp. Chưa bao giờ tôi nghe nói Năm Ông là năm vị Phật. Vốn không tin tưởng chuyện bùa phép, càng không tin rằng con người có thể làm được chuyện điều động âm binh hay khiển tướng vô hình vô ảnh... tôi nghe rồi bỏ qua. Kịp khi có được *bốn Kinh Năm Ông* trong lần về Miền Tây gần đây để tìm kiếm các bản Nôm thuộc văn chương của vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh, tôi mới nghe biết được chút ít về đạo thờ Năm Ông là một chi nhánh nhỏ của Phật giáo, chi phái Bửu Sơn Kỳ Hương. *Kinh Năm Ông* dính dáng xa gần tới những quyển *Kim Cổ Kỳ Quan* và các tác phẩm ở trong dòng đó như *Thừa Nhân*, *Kiểm Tiên*, *Sư Vãi Bán Khoai*, *Kệ Dân Của Người Khùng*.. ..

¹ Về Ngũ Hổ, sách *Quảng Tập Viêm Văn*, Bài *Sai Quan Ngũ Hổ* cho ta biết đây là 5 tướng mà thầy pháp sai phái để trừ tà [QTVV, trang 158-159, bản in mới của Nhà Xuất Bản Hội Nhà Văn, Sài Gòn, 2006].

là những quyển văn thơ dạy đạo viết bằng chữ Nôm của hệ phái Phật giáo này, được sáng tác từ những ngày đạo mới khai sáng. Tôi thích đi vào chính văn bản. Từ văn bản ta đi ra nhìn thấy được nhiều điều chính xác hơn là suy đoán ý nghĩa từ những sự kiện ngoài đời.

Bản **Kinh Năm Ông** 經 訥 翁 mà tôi, trong một duyên kỳ ngộ bất ngờ, sưu tầm được, gồm 26 trang thơ lục bát, chữ Nôm viết tay trên giấy bản, chữ thật đẹp, sắc xảo. Sưu tập được ở An Giang, đoán định là được chép vào hậu bán thế kỷ 19. Cỡ sách thông thường, 12 câu mỗi tờ, 6 câu sáu và 6 câu tám. Ngoài bìa đề **Kinh Năm Ông** bằng Quốc Ngữ, chắc chắn là của người đời sau viết khi đóng sách để bảo vệ khỏi mối mọt. Trong Kinh có chỗ viết **Kinh Ngũ Công** bằng chữ Hán 經 五 公, Chúng tôi chọn cái tựa *Kinh Năm Ông* cho bản kinh vì nghĩ rằng đó là cái tên người đương thời dùng nhiều nhất. Ngoài bản kinh viết bằng chữ Nôm, phần cuối có 2 trang đóng thêm, chép lại tin tức về tai trời ách nước đối với người làm ác, viết bằng Hán văn. Bản tin không khả tín về mặt thực tế, chỉ có mục đích tạo thêm sự tin tưởng đối với người hơi hơi xiêu lòng sau khi đọc kinh mà thôi.

Bản kinh bắt đầu bằng câu *Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát* 南 無 大 慈 大 悲 觀 世 音 菩 薩 như là sự mở đầu cần thiết cho sự trang nghiêm của khung cảnh khi bốn kinh được đọc. Danh hiệu Năm Ông được xưng tụng ngay từ khai đoạn của bốn kinh, được dùng để chỉ danh hiệu năm vị Phật, luôn luôn đi liền nhau, nên tôi viết hoa từ Năm Ông, coi như đây là một thực thể.

Năm Ông ở đây là năm ông Phật đệ tử của Phật Bà Quan Âm. Các vị này là *Chí Công Quan Âm Phật* 志 公 觀 音 佛, *Hóa Công Quan Âm Phật* 化 公 觀 音 佛, *Đường Công Quan Âm Phật*

唐公觀音佛, *Tức Công Quan Âm Phật* 卽公觀音佛, *Bửu Công Quan Âm Phật*² 宝公觀音佛. Năm Ông do vậy xuống trần theo chỉ định của sư phụ, cũng theo con đường của sư phụ là cứu nhân độ thế, tế khổ phò nguy, dạy người đời làm điều phải đạo. Kinh Năm Ông nói về điều này một cách trực tiếp:

<i>Nhân khi vừa thuở thừa nhàn</i>	因欺放課乘閒,
<i>Phật Bà tới ngự tòa trang xem tường</i>	佛妃禦細臺莊貼詳.
<i>Thấy trong thời vận Hạ Nguon</i>	覓冲辰運下元,
<i>Nhân dân thiên hạ khổn nàn lẫm thay</i>	人民天下困难凜台,
<i>Mới dạy Năm Ông ngày rày</i>	買咤薛翁寻廁,
<i>Kíp xuống hạ giới mách bày dân hay</i>	及寇下界覓排民台...

Và thế là Năm Ông xuống trần dạy dân chuyện cần thiết phải làm để tự cứu.

Năm Ông dạy rằng trong đời Hạ Nguon này thiên hạ trở nên xấu, làm chuyện ác đức quá nhiều cho nên sẽ có tai trời ách nước để trừng phạt kẻ ác. Người hiền ngộ, kẻ tu nhân, ai làm lành thì sẽ tránh

² Tôi không biết bên Trung Hoa một thế kỷ gần đây có những vị Phật này hay không, chỉ biết rằng sách vở Phật điển không thấy tên các vị Phật này. Dầu sao quan niệm rằng Kinh Năm Ông như **một lời rao giảng khuyến thiện** thì các danh hiệu trên chỉ có tính cách tượng trưng cho những khái niệm để tạo nên sự xác tín cần thiết của quần chúng mà thôi, không cần phải là những vị Phật đã hiện hữu lâu đời trong kinh sách và đã được số đông người công nhận. Với quan niệm đó, bài viết này chỉ thuần trên mặt **văn bản và nội dung của văn bản**, không bàn đến sự đúng sai đối với Phật giáo như là một tôn giáo.

khỏi cái họa tàn khốc đó. Tránh khỏi họa còn có cách khác nữa là lưu truyền phát tán kinh dạy răn khuyến thiện Năm Ông để càng ngày càng có nhiều người hiểu được điều cần hiểu. Từ hiểu họ sẽ thực hành, và cuộc đời sẽ bớt đi kẻ làm ác. Sao tả kinh dạy răn vì vậy là cách gieo thiện duyên cho thiên hạ nên người chép và phát kinh cũng sẽ được phước lành, khỏi đại nạn.

Sợ rằng dân chúng sẽ xao lãng lời mình dạy, Năm Ông dạy cho dân *biết niệm hồng danh và thờ cúng mình*. **Niệm** là con đường gần gũi nhất để đến với Phật, là cách thể đơn giản để nhớ đến những điều được răn dạy. Khuyến niệm Năm Ông cho biết: *Niệm thời đặng thoát tai ương ngày rày* 念辰鄧脫災殃昇昇, *Tu trừ thói vạy làm ngay* 須除腿醜濫宜.

Niệm đi kể bên tu. Hai nghi thức này giúp đỡ lẫn nhau. Ngoài niệm còn có thờ. **Thờ** cúng là cách thực tiễn nhất để thấy sự hiện diện của Năm Ông, để nhớ lời chỉ bảo của các vị đó: *Thành tâm trai giới thờ rày Năm Ông* 誠心齋界隸扇飮咎. *Lựa nơi thanh tịnh mịt mù* 攄尼清靜震霆. *Hương hoa trà quả kính cùng sớm khuya* 香花茶菓敬共夙晡. *Cờ đen vải trắng bìa vàng* 旗顛解梟破鑽, *Treo ngay giữa cửa đêm khuya giữ gìn* 撩宜紳闥店辱襪纏.

Tôi chưa có đủ điều kiện để tìm hiểu xem hiện nay còn tín đồ thờ Năm Ông ở địa phương nào Lục Tỉnh không, hay Năm Ông giờ đây chỉ là cái dư vang ngày xưa, nhưng tôi biết rằng ở ngay tỉnh lỵ Sóc Trăng có *Chùa Năm Ông*, chùa này thờ Quan Công và những vị khác, không phải là Phật. Điều này có nghĩa rằng một thời hệ phái Năm Ông phát triển mạnh chẳng may càng ngày càng suy trệ đi,

người hiểu như ngày xưa theo bốn kinh mà ta nói đây không còn nhiều, chệch đi là phần lớn.

Trở về văn bản bốn kinh.

Đi tìm một tư tưởng mới trong tư tưởng Phật giáo bình dân là chuyện mò kim đáy bể, nhưng điều hiển nhiên của tư tưởng Phật giáo bình dân là *sự thu hút cực kỳ mãnh liệt đối với đại đa số quần chúng* thông thường. Một vùng Miền Tây là địa bàn của Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, của Phật giáo Hòa Hảo, của Cao Đài giáo và những hệ phái hay niềm tin tương tự... trong một thời gian lâu dài ngay từ khi người Pháp mới chiếm Lục tỉnh (1862) cho đến thời gian gần đây. Sự thu hút và sức mạnh phát triển phải chăng nằm trong niềm tin làm điều lành, không làm điều dữ và những hệ quả của nó được nói bằng một cách dễ hiểu, vừa tầm với căn cơ của người nghe. *Chư ác mạc tác 諸惡莫作, Chúng thiện phụng hành 衆善奉行, Tự tịnh kỳ ý 自靜其意, Thị chư Phật giáo 是諸佛教*. Bài kệ của Thiền Sư Ô Sào đọc cho thi sĩ Lý Bạch nghe có thể dùng để tóm lược toàn bộ bốn kinh Năm Ông: Các điều ác chớ làm, các điều thiện nên thực hiện, tự mình làm cho tâm mình lắng đọng, đó là lời Phật dạy.

Thiền Sư Ô Sào chỉ nói với duy nhưt một đại thi hào nên ông dùng hình thức kệ để được ngắn gọn, người viết kinh Năm Ông nói tới nói lui gần 300 câu thơ lục bát vì ông rao giảng cho số đông dân chúng bình thường lam lũ với cuộc sống, kiến thức triết lý Phật giáo không nhiều.

Mỗi người rao giảng mỗi cách tùy theo căn duyên của mình và của người nghe. Rồi để cho lời nói của mình được chú ý hơn,

người viết bốn kinh nhắc đến phần thưởng do sự tin tưởng hay sự trừng phạt nếu nghi ngờ, xao lãng.

*Dầu ai xem kinh tín thành*³ 油埃貼經信誠, *Tự nhiên yêu quái lánh mình đi xa* 自然妖怪另躰移踪. *Dầu ai chẳng tưởng thiệt thà* 油埃庄想寔他, *Quý cho thêm bệnh phải hòa tai ương* 鬼朱添病沛和災殃. *Chẳng hay tu hạnh tu nhơn* 庄台修行修仁, *Cho nên mình mắc nhiều cơn lệ đầy* 朱鍼躰審慙干淚苔.

Sợ rằng người đọc/nghe không tin, tác giả viện dẫn rằng kinh Phật đã nói như vậy. Ý niệm Kinh Phật theo niềm tin bình dân thì rộng hơn ý niệm kinh [điển] của đạo Phật chính danh ở chùa hay tu viện. Có thể kinh ở đây là một cuốn sách nào đó của một vị thầy mới gần đây dạy chuyện liên quan đến việc tu hành, sống đạo, và nhất là có thể viết bằng thứ chữ của người Việt, không cần phải là thứ chữ được coi như thiêng liêng là chữ Hán. Do đó ta không lấy làm lạ khi thấy bốn kinh này được viết bằng chữ Nôm và chắc chắn tác giả nó là người Việt Nam sống cách ta không bao lâu.

Bốn kinh thường nhắc đến những năm Mậu Ngọ, Ất Dậu... Những chữ như **Mậu Ất** 戊乙... chỉ có tính cách gợi ý hơn là xác định thời gian. Sự trùng hợp với những biến cố tương tự ngoài đời nếu có cũng là ngẫu nhiên, chuyện bàn ngang tán đọc để nói về *sấm ký* tôi cho là không đúng khoa học và làm mất đi cái trọng điểm

³ Chữ *dầu ai* 油埃 là từ ngữ xưa có nghĩa *nếu ai*, không có nghĩa mặc dầu như ngày nay. Chữ *dầu ai*, khiến tôi thêm một lí do nữa, tin rằng ít nhất bản kinh cũng được viết ra từ hậu bán thế kỷ 19.

khuyến thiện của những bản kinh tương tự⁴. Tôi thấy mình thích thú và hân hạnh để giới thiệu bốn kinh này lần đầu tiên vì đã được nhân duyên lành thủ đắc bản Nôm. Nghĩ rằng để lâu hơn biết đâu những tác nhân xấu của cuộc đời khiến mình không thể làm được việc đó như đã từng xảy ra bốn mươi năm trước, khi tôi được bốn Nôm *Kim Cổ Kỳ Quan* 今古奇觀 mà rồi chẳng làm được mãi may nghiên cứu gì từ đó, sau cùng lại để mất đi. Tội thay! Tiếc thay!

Bốn kinh có ý lập đi lập lại nhiều lần điều căn bản cần rao giảng, đó là thói quen chung của những người viết tác phẩm nhằm phục vụ đại chúng bình dân. Thơ lục bát nhiều phần gieo vần ở chữ thứ sáu như bình thường, tuy vậy này cũng có nhiều câu gieo vần ở chữ thứ 4, thứ 2, thứ 7. Đó là hình thức thông thường của những tác phẩm Miền Nam thế kỷ 19 hay trước đó chút ít. Vần trong bản kinh có chỗ ở *chữ thứ ba*. Đó là điều lạ đối với ngày nay, nhưng nếu ta để ý đến tác phẩm đồng thời như *Hà Tiên Thập Cảnh Khúc Vịnh* thì ta sẽ thấy chuyện này không lạ. Chẳng hạn đoạn *Kim Dữ Lan Đào*:

*Giữa trời một đỉnh cao xây,
Sáu ngao ấy giá năm mây là lâu.
Trái ngàn **thu** con vua ngậm đá
Suy hình hài như nhũ ngọc phun.*

Nguyên bản kinh gồm 26 trang viết trên giấy bản xưa trình bày trên sáu dưới tám như các truyện thơ thông thường. Chữ viết chân phương, trung bình, một vài sai lầm nhỏ về chữ Nôm cho

⁴ Ngoài Bắc cách sau kinh này chừng 4, 5 chục năm, là một hai thập niên đầu thế kỷ 20, những bản kinh tương tự với **Kinh Năm Ông** 經龔翁 xuất hiện khá nhiều, nhưng hầu hết đều thác là lời *giáng bút* của bà công chúa này, ông thánh nọ....

biết người viết không phải là người học rộng, có thể là học trò hay một cụ đồ thi cử dở dang về sống đạm bạc trong làng xóm⁵.

Bản này xưa ở chỗ các âm **câm (kim 今) duơn (duyên 緣), bường (bình 平)** còn *thấy hiện diện*. Chắc chắn rằng các âm này đầu thế kỷ 20 không còn nữa. Từ đây tôi tạm xếp *Kinh Năm Ông* vào loại tác phẩm xuất hiện khoảng thời gian cuối cùng của tiền bán thế kỷ 19.

Kinh Năm Ông như là một tảng đá trong cơ ngơi tư tưởng của người vùng cực Nam mà lâu nay bị chìm sâu trong lòng đất. Phiên âm, giới thiệu không phải vì những lời hứa hẹn, khuyên lơn trong đó mà chỉ vì tôi yêu quý biết bao sự mộc mạc của nó và những điều dạy dỗ chơn tình trong đó.

Cũng xin nhắc lại rằng trước đây non một thế kỷ, giống như ở Âu Châu trước đó, thỉnh thoảng dân chúng nhận được những tờ giấy chép tay hay in sơ sài gọi là *Sấm Truyền* hay *Kinh Sấm* thuyết truyền về thời Hạ Nguơn, rằng sẽ có bệnh dịch tàn khốc lan rộng... và người nào khi nhận được mà không sao chép *Sấm Truyền* thì sẽ bị nhiều tai trời ách nước. *Kinh Năm Ông* không viết những răn đe ghê rợn như vậy, chỉ có một vài câu thiết nhẹ nhàng đối với người không tin, còn ngoài ra chủ yếu tác giả dành cho những **lời khuyên hành thiện**. Tôi thích đọc và chiêm nghiệm những câu nhẹ nhàng nhân ái này hơn là những lời đe dọa mà ta thường thấy trong những bản văn rao giảng về ăn hiền ở lành, nhưng đầy rẫy hình ảnh địa ngục với những hình phạt ghê hồn trong đó.

⁵ Nguyên văn có những sai lầm do sự sao chép như câu lập lại, câu viết lộn vị trí, chữ viết lộn... những trường hợp nào giải quyết được chúng tôi giải quyết, với sự tôn trọng tối đa bản văn.

Kết thúc quyển kinh nhắc rằng con người cần ăn ở với nhau lấy **thiện lành** làm gốc, đối với xã hội thì **từ bi** là căn bản để có cuộc sống yên vui, từ đó người cầm đầu quốc gia chẳng cần nhọc sức cũng có một nước thái bình, nhân dân an hưởng lại đời Nghiêu Thuấn: *Lấy câu vô trị nhi vi 裋句而治無為, Cũng nhờ một phép Từ Bi lập đời 供如蔑法慈悲立莧. Muốn dân rày dựng thành thời 閱民曷鄧請台, Ấn mừng võ bụng nói đời Thuấn Nghiêu. 唉惻撫撫腴綏莧舜堯.*

Mong rằng công việc giới thiệu và sơ chú này đem lại ích lợi phần nào cho những ai muốn tìm hiểu con người Miền Nam nói riêng và tư tưởng Việt nói chung của thời người Pháp sắp đến Việt Nam.

Nguyễn Văn Sâm (Sàigòn, 11-2006, Texas, 03-2009)

Kinh Năm Ông

- (1) Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát
 Nam Mô **Chí Công** Quan Âm Phật,
 Nam Mô **Hóa Công** Quan Âm Phật,
 Nam Mô **Đường Công** Quan Âm Phật,
 Nam Mô **Tức Công** Quan Âm Phật,
 Nam Mô **Bửu Công** Quan Âm Phật

- Nhơn khi vừa thuở thừa nhân⁶,
 Phật Bà ngự tới đài trang xem tường.
 Thấy trong thời vận Hạ Nguơn,
 Nhơn dân thiên hạ khốn nàn lắm thay.
 (2) Mới dạy Năm Ông ngày rày⁷,
 Kíp xuống hạ giới mách bày dân hay.
 Tới năm Mậu Hợi⁸ vậy vầy,
 Trời xui nạn ách khốn thay muôn phần.
 Cảm thương thiên hạ phân vân⁹,

⁶ Câu đầu kiểu *thừa nhân* như thế này thường thấy ở nhiều tác phẩm khác. *Nữ Tú Tài*... *Thung dung nhân thuở thanh nhân*. Đặc biệt tác phẩm *Kim Cổ Kỳ Quan* của Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương có *Thừa Nhân*.

⁷ rày=này, ngày rày: những ngày nay, bấy lâu nay.

⁸ Những chữ như **Mậu Hợi** 戊亥..., **Ất Hợi** 乙亥. chỉ có tính cách gọi ý thời tương lai thôi, nếu trùng với một biến cố nào thì chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên.

Khá tua¹⁰ thìn nét ân cần sớm khuya.
 Bao nhiêu thói vạy thời chừa,
 Đêm ngày cho biết phụng thờ Năm Ông.
 Nam Mô **Chí Công** Quan Âm,
 Niệm thời tiêu giảm cổ cam tai nạn¹¹.
 Nam Mô **Đường Công** Quan Âm,
 Vạn sự tiêu trừ tai ách bằng không.
 (3) Nam Mô **Hóa Công** Quan Âm,
 Xuống bảo thiên hạ **phụ** tông thiện duon,
 Nam Mô **Tức Công** Quan Âm,
 Răn trong thiên hạ khá kiêng mọi đường.
 Nam Mô **Bửu Công** Quan Âm,
 Niệm thời đặng thoát tai ương ngày rày.
 Tua trừ thói vạy¹² làm ngay,
 Thành tâm trai giới thờ rày Năm Ông.
 Lựa nơi thanh tịnh mịt mù¹³

⁹ **Phân vân 紛紜**: lo lắng, sợ hãi (từ xưa). Từ này nay đã biến nghĩa, chỉ một sự lưỡng ước không biết chọn phương cách nào.

¹⁰ Tua: phải. Xưa trước cổng trường TH Petrus Ký ở Sài Gòn có hai câu liễn: Không Mạnh cương thường tua khắc cốt. Âu Tây tư tưởng yếu minh tâm.

¹¹ Niệm thời giảm tiêu các tai nạn xưa nay. Tai nạn xưa là những hình thái bệnh tật còn kéo dài đến bây giờ. Chữ *cam* tức *kim* 今, phiên âm theo giọng xưa.

¹² vạy=quấy, thói vạy=điều quấy.

¹³ **Thanh tịnh mịt mù 清靜震霆**: thanh tịnh, kín đáo.

Hương hoa trà quả kính cùng sớm khuya.
 Cờ đen vải trắng bia vàng¹⁴,
 Treo ngay giữa cửa đêm khuya giữ gìn¹⁵.
 (4) Hương hoa phụng cúng lòng tin¹⁶,
 Quĩ vương làm bệnh mình liền chẳng sao.
 Ân cần vọng tưởng thấp cao,
 Trên đầu đã có Nam Tào xét cho¹⁷.
 Bảo trọng nam nữ khá lo,
 Kim sanh¹⁸ đại họa khôn to muôn phần.
 Sống xa thác đã hầu gần¹⁹,
 Địa Phủ, Thiên Thần, Ngũ Hồ, can qua.
 Người chết vô số hằng hà,
 Xương thịt tan nát (??)²⁰ đầy đồng.
 Bốn phương vườn ruộng minh mông.
 Biết bao nhiêu dặm người không, chết hoải²¹.

¹⁴ Tôi cho Kinh Nam Ông tiêu biểu cho một hệ phái của Bửu Sơn Kỳ Hương: hệ phái Năm Ông mà câu này là lý do chánh. Thờ vải trắng bia/viên vàng chứ không phải tấm trần điều.

¹⁵ Chữ **đêm** 店 chỗ này câu văn không ổn, nếu là chữ sớm 𪛗 thì quá hay!

¹⁶ Mấy câu chỉ dẫn cách thiết lập chỗ thờ, bàn thờ và cách thể cúng Năm Ông. Những điều này ngày xưa rất cần thiết để có thể tạo nên một hệ phái.

¹⁷ Sự tu của mình đã được bề trên ghi chép, tu thì không uổng công tu.

¹⁸ Kim sanh=thời này.

¹⁹ **Sống xa thác đã hầu gần**: con người lúc này dễ chết lắm thay!

²⁰ Hai chữ này hiện giờ chúng tôi chưa đọc được.

- (5) Hồn xiêu phách lạc Diêm Đài,
 Tan xương nát thịt không ai đắp bồi.
 Mịt mù sơn thủy rạch ngòi,
 Mùa màng bỏ hết thương ôi nhơn bần.
 Vạn gia bất kiến nhứt nhơn²²,
 Trâu bò cũng hết ruộng nương chẳng cày.
 Đến năm Mậu Hợi vạy vay,
 Độc trùng ác thú loạn ngay vào nhà.
 Ghe phen tổn hại người ta,
 Trong kinh Phật dạy phải là nói chơi²³!
 Xem qua đã thấy dưới đời,
 Thấy trong thiên hạ nhiều người gian manh.
- (6) Phải toan cải dữ làm lành,
 Tu nhơn tích đức Phật đành cứu cho.
 Dầu ai giàu có âm no,
 Cũng đừng khá nói so đo²⁴ của mình.
 Lòng đành thương xót xung quanh,

²¹ Tám câu này cảnh báo đại họa chết người hàng loạt sẽ xảy ra.

²² **Vạn gia bất kiến nhứt nhơn** 萬家不見一人: vườn không nhà trống, muôn nhà cũng chẳng thấy một ai!

²³ Sợ rằng người đọc/nghe không tin, tác giả viện dẫn rằng kinh Phật đã nói như vậy. Kinh Phật theo niềm tin bình dân thì rộng hơn ý niệm kinh [điển] của đạo Phật truyền thống ở chùa hay tu viện. Có thể *kinh* ở đây là một cuốn sách nào đó của một vị thầy dạy chuyện liên quan đến việc tu hành, sống đạo, và nhất là viết bằng chữ Việt.

²⁴ so đo=phân bì.

Sạch không chớ tưởng mọi đường thị phi²⁵.

Vận trời đã khiến nan nguy,

Đàn bà túi đức²⁶ khác gì tặc binh

Chị em người chẳng thuận tình,

Gây nên giặc loạn tại mình phải ai.

Có phước một người cùng hai,

Ai hay tích đức khỏi tai nạn này²⁷.

(7) Khuyên hết già trẻ bằng nay,

Tin trong kinh ấy truyền rày cho ta.

Tả nên một quyển phát ra²⁸,

Thời Trời thêm xuống phước qua cho mình.

Dầu ai chép được mười kinh,

Toàn gia muôn hưởng an ninh thọ trường.

Người nào xem đọc cho thường,

Phật Trời cũng chứng mọi đường thiện tâm.

Thìn²⁹ lòng kính niệm Quan Âm

Dầu mà có bị bắt cầm cũng mau.

Tý Sửu Dân Mẹo năm sau,

Đế vương chơn mạng về châu thời hay.

²⁵ Giàu có thì mờ rộng lòng bố thí, bố thí không nên tiếc của, cũng đừng nghĩ đến lời khen chê của người đời khi làm công việc này.

²⁶ **Túi đức** 褔德. Không hiểu chữ túi này, xin được góp ý.

²⁷ Người có phước đức để thoát nạn Trời không nhiều.

²⁸ **Tả** 寫: viết.

²⁹ Thìn: giữ gìn

- (8) Kể từ Tần Hán tới nay,
 Can qua cũng hết đông tây tâm tình,
 Lại thêm hải yến hà thanh³⁰,
 Thiên hạ thái bình một khắc phân minh
 Phụng thờ tín kính Năm Ông,
 Chúng sanh cũng đặng an ninh thọ trường.
 Thành tâm cho tới đế vương,
 Thiên hạ thái bình khoáng lạc âu ca.
 Phong điều vũ thuận³¹ gần xa,
 Dân an quốc thái thanh hòa đời nọ.
 Thánh minh vương Phật ra đời,
 Trẻ già vui vẻ người người ấm no.
- (9) Muôn dân đã hết âu lo,
 Một tay vững đặt cơ đồ quốc gia,
 Gạo thời một đồng một sa³²,
 Thịt cá hằng hà vô số niên niên.
 Lựa thời một thước một tiền³³,
 Qua năm Dân Mạo hết phiền chúng dân.

³⁰ hải yến hà thanh: bể yên sông lặng.

³¹ phong điều vũ thuận: gió thuận mưa hòa.

³² *Cái sa*, theo Huình Tịnh Của, đồ bện bằng tre giăng ngang qua suối, để mà bắt cá chạy theo nước đổ. Vậy thì cái *sa* như cái bện mà nhỏ hơn người ta dùng như đơn vị đo lường. Thời Huình Tịnh Của đơn vị này không còn dùng nữa hay ít ra cũng không còn phổ biến.

³³ *Tiền* 錢 tức *tiền xu*, tức *nửa xu*, đơn vị quá nhỏ của tiền bạc ngày trước. Lựa một thước một tiền thì là quá rẻ.

Rành rành truyền để trong kinh,
 Toan trừ hung kiếp vắng tanh cho liền.
 Thiện nam tín nữ hai bên,
 Tai nghe Phật dạy lòng xin làm lành.
 Kính niệm Năm Ông Phật kính,
 Thời đặng tiêu tội an ninh thọ trường.
 (10) Phép Phật truyền để mọi đường,
 Phải ra cho đủ bốn phương xa gần.
 Chớ làm ích kỷ hại nhân.
 Lợi mình³⁴ mà bỏ chúng dân chẳng lành.
 Trong kinh Phật dạy rành rành,
 Dầu già dầu trẻ sửa mình khéo khoan.
 Thế gian nhiều đũa tính càn³⁵
 Kinh văn bỏ tệ mắc oan nhiều người.
 Ai mà chẳng niệm Phật Trời,
 Hãy còn nghi hoặc ắt đời chẳng yên,
 Thiện nam tín nữ đôi bên,
 Thọ phù Phật pháp giữ lòng răn răn³⁶,
 (11) Rèn lòng nhân đức khăng khăng,
 Thời trời an số phước hăng có hơn,
 Sao chẳng biết nghĩ sự dưng,
 Từ năm Ngọ Mùi Thân Dậu tới nay,

³⁴ **Lợi mình** 利身, bản Nôm viết lộn thành **khoa mình** 科身.

³⁵ Bản Nôm viết cương 剛.

³⁶ giữ lòng răn răn: luôn luôn như vậy.

Nhơn dân đồ khổ lắm thay,
 Sao không thìn nét hầy còn so đo.
 Làm người sao chẳng biết lo,
 Giữ bền Phật dạy lần dò an thân.
 Trong kinh Phật đã ân cần,
 Dạy trong thiên hạ thời đừng bắt nhơn³⁷.

Phật rày tạc để khăng khăng,
 Xét xem cho biết vật ăn có phần.
 (12) Năm Ngọ cho tới năm Thân,
 Qua Dậu Tuất Hợi nhân dân ách nần.
 Những từ binh cách dậy loạn,
 Trẻ già phiêu lạc xóm làng³⁸ đòi nơi.
 Lên nguồn xuống biển thương ôi,
 Dầu ai tích đức có hồi gặp nhau³⁹.
 Còn nhiều ôn dịch năm sau,
 Vợ chồng tản lạc khôn âu lẽ nào.
 Của nhiều tế lễ tổn hao,
 Người ta đói rách lẽ nào chẳng thương.
 Xưa truyền kinh quốc Long vương,
 Rõ ràng Phật dạy bốn phương làm lành.
 (13) Gặp năm hải yến hà thanh,
 Xem trong kinh ấy có thành Long Xa.

³⁷ Dạy rằng sống trên đời đừng ở ác.

³⁸ **Xóm làng** 坵廊, BN viết nhầm thành **bụi làng** 培廊.

³⁹ Những người tích đức thì còn sống nên gặp nhau được. Chết là hết thấy.

Trong ngày tháng chín mồng ba,
 Thần linh giáng hạ gần xa chẳng lành.
 Những loài quỷ quái yêu tinh,
 Ngoài trong lê thứ giữ mình khéo oan.
 Dầu đi trong chốn lâm san,
 Hồ lang ác thú tai nạn chẳng qua⁴⁰.
 (14) Khuyên hết nam nữ trẻ già,
 Trong kinh Phật dạy bảo mà thiện dươn,
 Máy người tích đức tu nhơn,
 Dạy trong thiên hạ còn hơn giữ hoài⁴¹.
 Truyền đăng một người cùng hai,
 Toàn gia khỏi hại khỏi tai tới mình,
 Nhơn dân chưa đăng thái bình,
 Thời trời đã khiến linh đình cũng nhiều
 Tháng chín ắt có tai nguy⁴².
 Thiệt là tháng ấy trên thời phải âu.
 Dầu mà bệnh hoạn ốm đau,
 Thỉnh bùa mà uống mới mau trợ mình.
 (15) Giấy vàng chu (??) cho tình⁴³,

⁴⁰ Trang này chép dư 4 câu của trang trước!

⁴¹ Nguyên bản chép hai lần bốn câu trên đây, nghĩ là dư.

⁴² **Tai nguy** 災危, bản Nôm viết lộn thành **tai nghèo** 災饒. Nhiều chữ **nguy** bị sai như thế này trong toàn bản văn cho thấy người chép học không rộng.

⁴³ Bản Nôm viết **cho tình** 朱情, vô nghĩa.

Nam tả nữ hữu thông kinh mười phần.
 Trước cúng Trời Phật linh thần,
 Sau kiểng ôn dịch⁴⁴ trợ dân mọi đường.
 Thời mình khỏe mạnh thọ trường,
 Khá toan niệm Phật lo đường giữ thân.
 Dầu ai làm phước làm nhơn,
 Nan nguy⁴⁵ thoát khỏi oán hờn sạch không.
 Thìn lòng niệm Phật ăn chay,
 Đừng cho trà rượu bằng nay vào mình.
 Tới khi thiên hạ thái bình,
 Giá vàng một chỉ tiền đành một quan.
 (16) Gạo nhiều dân chẳng lo toan,
 Ba xu một đấu đầy tràn dẫy kho.
 Bốn phương nhà đủ người no,
 Tu nhơn tích đức trời cho duơn lành.
 Dầu ai xem kinh tín thành,
 Tự nhiên yêu quái⁴⁶ lánh mình đi xa.
 Dầu ai chẳng tưởng thiệt thà⁴⁷,
 Quỷ cho thêm bệnh phải hòa tai ương.

⁴⁴ Sau kiểng ôn dịch: Sau sợ bệnh dịch.

⁴⁵ Nan nguy 难危, Bản Nôm viết nhầm thành nan nghèo 难饒.

⁴⁶ Yêu quái đã dùng yêu khoái 妖快, nhưng chữ khoái 快 viết lộn thành yêu 妖.

⁴⁷ Thiệt thà 寔他, từ xưa có nghĩa là *thiệt, thiệt như vậy, chắc chắn như vậy*, nay biến nghĩa ra thành *thật*.

Chẳng hay tu hạnh tu nhơn,
 Cho nên mình mắc nhiều cơn lệ đầy.
 Chẳng xem mấy đoạn kinh này.
 Phật Trời dạy bảo bằng nay cho mình.

- (17) Bao giờ choặng an ninh,
 Ốm đau thôi đã trong mình tả tơi.
 Bảo cho sống một chết mười,
 Nước tràn đầy núi người người khôn thay.
 Âm dương lẽ đã vắn xây,
 Đông Tây Nam Bắc chết đầy mọi nơi.
 Phải toan kêu khóc thấu Trời,
 Tu tâm tu hạnh thời trời mới dung,
 Đất trời như thể vòng cung,
 Nhơn từ đức hạnh giữ trong tâm lòng.
 Phụng thờ tín kính Năm Ông,
 Cải dữ làm lành thì quỷ mới tha,
 (18) Bây giờ đại tiểu toàn gia,
 Xem kinh niệm Phật lòng mà đừng gian.
 Đời này thiên hạ chết oan,
 Khấp đều lệ chốn suối vàng đòi nơi.
 Bao nhiêu dân chúng thời hay,
 Nghe trong kinh Phật giữ rày toàn thân.
 Dầu ai mà chẳng đặng gần,
 Không chép mà học phong trần chết oan.
 Người nào đọc đặng ba ngàn,
 Mỗi đêm mỗi đọc đèn nhang cho thường.

- Tấm lòng trai giới kính nhường,
 Thời Trời cũng xuống trình tường cho min⁴⁸.
- (19) Ai mà xem thấy chẳng tin,
 Tới khi có bệnh trở mình kêu van.
 Phật dạy chẳng phải phạm gian,
 Phụng lệnh Ngọc hoàng thỉnh số cứu dân.
 Dầu ai kinh sử mười phần,
 Chép đặng mười lần Trời mới độ cho.
 Người nào xem thấy chẳng lo,
 Phật Trời chẳng chứng quỷ cho mắc nà.
 Hồ đồ theo thói phạm gian,
 Chết xuống âm phủ kêu oan nổi gi. ua
- (20) Khuyên hết kẻ trí người si,
 Mỗi người mỗi quyền để suy việc đời.
 Trẻ già chưa đặng thanh thời,
 Hạ Nguon nên nổi oan rơi rất nhiều.
 Noi theo đời trước Thuần Nghiêu,
 Nhà không đóng cửa người đều găng xoang⁴⁹
 Ai ai tu lấy thiện duon,
 Cửa rơi đừng lấy cứ mà làm nhơn
 Bao giờ thấy cửa đừng tham,
 Thiện duon tác phước giữ làm thời nên.

⁴⁸ Min = ta. *Thì trời cũng ban điềm lành tốt cho ta.*

⁴⁹ Xoang: ca hát, còn thấy từ ca xoang, tay xoang là gõ nhịp. Cảnh thanh bình nhà người ta khỏi đóng cửa vì không có kẻ trộm cắp và người người đều vui vẻ ca hát.

- Sử kinh tua khá đừng quên,
 Mặc ai hung kiếp lòng bền từ bi.
 (21) Nam Mô Thích Ca Mâu Ni,
 Họa thì rơi xuống phước liền đưa lên⁵⁰.
 Thảo cha ngay chúa hai bên,
 Trong lòng niệm giữ cho bền sắt định.
 Mấy điều trước mặt chẳng kinh,
 Độc xà ác thú yêu tinh ở đời,
 Lệ sâu khắp hết đời nơi⁵¹,
 Sao chẳng niệm đời còn hơi so đo.
 Hạ Nguơn đã mắc tai to,
 Vì chung hung kiếp là đồ bất nhơn.
 Trau tria⁵² lỗ miệng là ơn⁵³
 Trong lòng đao kiếm oán hờn cho sâu.
 (22) Sáu ba tác hơi thấy đâu⁵⁴,
 Thịt xương tan nát dễ hầu biết chi.
 Xem kinh cho biết từ bi,
 Làm sao cho khỏi tai nguy thời làm.

⁵⁰ Nguyên bản là **dâng** 登.

⁵¹ Chữ *đời nơi* cũng là một từ cổ đáng lưu ý. Thế kỷ 20 không còn thấy dùng.

⁵² trau tria: sửa soạn cho đẹp đẽ, cho tốt lành. Thơ Tôn Thọ Tường: *Về Hán trau tria mảnh má hồng*.

⁵³ Bản Nôm dư ba chữ chép lầm từ hàng khác.

⁵⁴ Chết chôn xuống đất.

Mỗi đêm mỗi niệm lăm răm
 Điều lành thời giữ chớ làm thói gian.
 Máy điều trong kinh rõ ràng,
 Năm sau gần thấy chết oan mười phần.
 Bắc nam Ất Dậu⁵⁵ mắc lần
 Nhân dân tan nát chẳng gần thôn hương.
 Đông tây nam bắc bốn phương,
 Chúng sinh đói chết cảm thương nhiều người.
 (23) Lệ sầu ai cũng chẳng tươi,
 Thiên hạ cách đất nhiều người chẳng xong.
 Người nào chẳng có hiếu trung,
 Phật Trời chẳng kể toan lòng tranh đương.
 Sai năm Ngũ Hồ⁵⁶ tra tường.
 Lại thêm ôn dịch đón đường chẳng không.
 Đêm ngày tin tưởng Năm Ông,
 Thảo ngay cũng trọn thời không nạn nghèo.
 Trong kinh Phật dạy mấy điều,
 Khá tu tin tưởng bao nhiêu trong lòng.
 Giữ cho thoát khỏi ba vòng,
 Thời sau mới biết Phật lòng thương ta.
 (24) Đừng cho xao lãng sai ngoa,

⁵⁵ Ta nhớ tới trận đói năm Ất Dậu và hai triệu người chết ở Bắc. Tác giả tiên tri hay là trùng hợp ngẫu nhiên? Tuy nhiên có một chi tiết không phù hợp là trận đói này chỉ hoành hành ở phía Bắc nước Việt mà thôi, miền Nam không bị ảnh hưởng.

⁵⁶ Vậy thì Năm Ông chắc chắn không phải là Ngũ Hồ.

Rèn lòng đĩnh sắt vậy mà mới hay.
 Người nào lòng ở chẳng ngay,
 Nỗi sau có biết Phật hay là gì
 Máy người văn học trí tri,
 Minh tâm đức để thánh Nho⁵⁷ chẳng làm.
 Cơ thâm họa diệc cơ thâm,
 Sờ sờ trong sách Minh Tâm sẵn sàng.
 Bất oán thiên bất vuu nhân⁵⁸,
 Ngô nhật tam tĩn ngô thân thọ trường⁵⁹.
 Vậy sau mới thấy Phật vương,
 Trị trong thiên hạ thái bường như xưa.
 (25) Nội trong một khắc một giờ,
 Bao nhiêu ác đảng bây giờ hướng quy⁶⁰.
 Lấy câu nhi trị vô vi⁶¹,
 Cũng như một phép từ bi lập đời⁶².

⁵⁷ Bản nôm viết chữ mà □, nghĩ là chữ Nho 儒.

⁵⁸ Không oán trời, không đổ lỗi cho người.

⁵⁹ Ngày ba lần tĩnh tâm thì thân ta sống lâu.

⁶⁰ Khi tất cả thiên hạ làm điều thiện thì đời sẽ thái bình ngay. Tội ác không còn do đó xã hội sẽ thái bình, dân không còn nơm nớp sống trong cảnh bất an.

⁶¹ **Nhi trị vô vi** 而治無為: thánh nhơn vô vi nhi trị nghĩa là không cần làm gì hết mà đời yên. [Lão Tử]

⁶² Câu quan trọng là đây: **Cũng như một phép từ bi lập đời** 拱如蔑法慈悲立世. Cuối cùng thì nói gọn lại: nước nhà muốn lập nên, muốn thái bình thì mọi người nên sống bằng lẽ từ bi.

Muôn dân rày đặt thành thoi,
Ăn mừng võ bụng nổi đời Thuận Nghiêu.

HẾT

終